

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA NÔNG NGHIỆP & SINH HỌC ỨNG DỤNG
BỘ MÔN BẢO VỆ THỰC VẬT

Đường 3/2, khu 2, Tp. Cần Thơ.

E-mail: tyhai@ctu.edu.vn, Cell phone: 0913 675 024



GIÁO TRÌNH

LUẬT BẢO VỆ THỰC VẬT

PGs. Ts. TRẦN VĂN HAI

Năm 2009

**THÔNG TIN VỀ TÁC GIẢ
PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG
CỦA GIÁO TRÌNH LUẬT BẢO VỆ THỰC VẬT**

I. THÔNG TIN VỀ TÁC GIẢ

Họ và tên: TRẦN VĂN HAI

Sinh năm: 02-03-1955

Cơ quan công tác:

Bộ Môn Bảo Vệ Thực Vật, Khoa Nông Nghiệp và Sinh Học Ứng Dụng,

Trường Đại Học Cần Thơ

E-mail: tvhai@ctu.edu.vn

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

-Giáo trình có thể sử dụng cho các ngành: Nông học, Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Kinh tế nông nghiệp và Kỹ thuật nông nghiệp

-Có thể dùng cho các trường: Trung học kỹ thuật, Đại học nông nghiệp

-Các từ khóa: luật, pháp luật, pháp lệnh, điều lệ, qui phạm, quốc hội, thuốc trừ dịch hại, bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, kinh doanh,

-Yêu cầu kiến thức trước khi học môn này: côn trùng, bệnh cây, cỏ dại và hóa bảo vệ thực vật.

-Đã in thành giáo trình tại thư viện đại học Cần Thơ

MỤC LỤC

Bài 1: HÌNH THỨC PHÁP LUẬT.....	1
1. KHÁI NIỆM VỀ HÌNH THỨC PHÁP LUẬT.....	1
1.1. Khái niệm.....	1
1.2. Các hình thức pháp luật.....	1
2. HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	3
2.1. Văn bản do Quốc hội ban hành: Hiến pháp, Luật, Nghị quyết.	3
3. HIỆU LỰC CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT.....	6
3.1. Hiệu lực về thời gian.....	6
3.2. Hiệu lực về không gian lãnh thổ (lãnh thổ).....	7
3.3. Hiệu lực về đối tượng áp dụng.....	8
Câu hỏi ôn tập.....	8
Bài 2: QUI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ QUAN HỆ PHÁP LUẬT.....	9
1. QUI PHẠM PHÁP LUẬT.....	9
1.1. Khái niệm.....	9
1.2. Cơ cấu của qui phạm pháp luật.....	9
1.3. Phân loại các qui phạm pháp luật.....	10
2. QUAN HỆ PHÁP LUẬT.....	10
2.1. Khái niệm.....	10
2.2. Các yếu tố của quan hệ pháp luật.....	11
2.3. Những điều kiện làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ quan hệ pháp luật.....	12
Câu hỏi ôn tập.....	12
Bài 3: VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ.....	13
1. VI PHẠM PHÁP LUẬT.....	13
1.1. Khái niệm.....	13
1.2. Các dấu hiệu của vi phạm pháp luật.....	13
1.3. Cấu trúc vi phạm pháp luật.....	13
2. TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ.....	14
2.1. Khái niệm.....	14
2.2. Các loại trách nhiệm pháp lý.....	14
2.3. Nguyên tắc áp dụng trách nhiệm pháp lý.....	15
Câu hỏi ôn tập.....	15
Bài 4: PHÁP LỆNH BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT.....	16
Bài 5: ĐIỀU LỆ BẢO VỆ THỰC VẬT.....	28

Bài 6: ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG SẢN XUẤT, GIA CÔNG, SANG CHAI, ĐÓNG GÓI, LƯU THÔNG, CUNG ỨNG, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VI PHẠM PHÁP LUẬT	49
1. KHÁI NIỆM VỀ HÀNG GIẢ, HÀNG KÉM CHẤT LƯỢNG	50
1.1. Định nghĩa hàng giả, hàng kém chất lượng.....	50
1.2. Vài nét về cuộc đấu tranh chống sản xuất, buôn bán hàng giả, kém chất lượng, hàng ngoài danh mục nhập lậu.....	51
2. THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT GIẢ	52
2.1. Những dấu hiệu về thuốc Bảo Vệ Thực Vật giả	53
2.2. Các dạng thuốc BVTV giả thường gặp và một số biện pháp giúp phát hiện sơ bộ thuốc giả.....	56
3. THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT CẤM	60
3.1. Hai mươi hoạt chất thuộc nhóm thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản	60
3.2. Sáu hoạt chất thuộc nhóm thuốc trừ bệnh hại cây trồng	61
3.3. Một hoạt chất thuộc nhóm thuốc trừ chuột	61
3.4. Một hoạt chất thuộc nhóm thuốc trừ cỏ	61
4. THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT NGOÀI DANH MỤC.....	62
5. THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KHÔNG ĐỦ CHẤT LƯỢNG.....	63
6. CÁC VĂN BẢN VI PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC SẢN XUẤT, BUÔN BÁN HÀNG GIẢ.....	63
7. XỬ LÝ VIỆC SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VI PHẠM BẰNG BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH	64
7.1. Các thủ đoạn chính trong sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV vi phạm.....	64
7.2. Nguyên tắc chung về xử lý thuốc Bảo Vệ Thực Vật vi phạm.....	64
7.3. Trình tự xử lý hàng giả.....	64
7.4. Xử lý thuốc BVTV vi phạm bị tịch thu.....	65
Câu hỏi ôn tập.....	65
 Bài 7: BÀI ĐỌC THÊM	 66

Bài 1: HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

1. KHÁI NIỆM VỀ HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

1.1. Khái niệm

Hình thức pháp luật là những dạng tồn tại thực tế của pháp luật trong các kiểu Nhà nước. Hình thức pháp luật cũng là một phương thức phân ánh lý trí của giai cấp cầm quyền ra bên ngoài thông qua việc hợp pháp hoá trong các hoạt động làm luật và ban hành Luật của Nhà nước.

Hình thức pháp luật là những cách thức mà giai cấp thống trị đã sử dụng để thể hiện ý chí của giai cấp mình thành những thể chế bắt buộc trong xã hội. Lợi dụng địa vị thống trị của mình, giai cấp thống trị đã hợp pháp hoá ý chí của mình thành ý chí Nhà nước thông qua các hoạt động lập pháp.

1.2. Các hình thức pháp luật

Hình thức của pháp luật có hai loại là: hình thức bên trong và hình thức bên ngoài của pháp luật.

1.2.1. Hình thức bên trong của pháp luật

Hình thức bên trong của pháp luật chứa đựng các yếu tố nội tại kết cấu nên toàn bộ nội dung của hệ thống pháp luật. Nói cách khác, hình thức bên trong của pháp luật chính là hình thức cấu trúc của hệ thống pháp luật.

Hình thức cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật của một Nhà nước bao gồm các thành phần là các ngành luật độc lập, trong mỗi ngành luật lại được cấu tạo bởi nhiều chế định pháp luật có tính độc lập tương đối, và trong mỗi chế định pháp luật được cấu trúc từ nhiều quy phạm pháp luật.

* **Ngành luật** là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội có cùng tính chất hoặc thuộc về một lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội (được gọi là đối tượng điều chỉnh) với những phương pháp điều chỉnh đặc trưng. Một ngành luật có sự khác nhau cơ bản ở đối tượng điều chỉnh, còn phương pháp điều chỉnh trong một số trường hợp cũng là căn cứ phân biệt ngành luật.

Các ngành luật cơ bản ở nước ta hiện nay như: hiến pháp, hành chính, hình sự, tố tụng hình sự, dân sự, tố tụng dân sự, lao động, kinh tế, đất đai, hôn nhân và gia đình, bảo vệ môi trường, v v...

* **Chế định pháp luật** là một nhóm các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội cùng loại, có mối liên hệ bên vững, có nội dung và tính chất đồng nhất nhưng vẫn thuộc đối tượng điều chỉnh của một ngành luật nhất định. Chẳng hạn trong ngành luật hôn nhân và gia đình có các chế định như: kết hôn, ly hôn, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng,...

* **Quy phạm pháp luật** là bộ phận cấu thành nhỏ nhất là tế bào cấu tạo nên chế định pháp luật, các ngành luật, và toàn bộ hệ thống pháp luật. Quy phạm pháp luật là những quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung đối với mọi chủ thể do Nhà nước ban hành và thừa nhận.

1.2.2. Hình thức bên ngoài của pháp luật

Nguồn của pháp luật tức là những hình thức bên ngoài của pháp luật làm căn cứ dẫn chiếu để giải quyết các sự kiện pháp lý nảy sinh trong cộng đồng dân cư, trong hoạt động kinh doanh thương mại, nội bộ quốc gia hoặc với các nước khác. Về nguồn cơ bản thì có ba loại là:

- Tập quán pháp (luật tục)
- Tiền lệ pháp (án lệ)
- Văn bản quy phạm pháp luật

*** Tập quán pháp (luật tục)**

Tập quán pháp là một hình thức pháp luật không thành văn, xuất hiện rất sớm trong xã hội, được sử dụng phổ biến trong các Nhà nước Chủ nô và Phong kiến.

Hình thức tập quán pháp được sử dụng để nhà nước phê chuẩn hoặc thừa nhận một số tập quán đã lưu truyền lâu đời trong xã hội, phù hợp với lợi ích của giai cấp cầm quyền đã được xác lập thành nguồn pháp luật của Nhà nước.

Do đặc tính của tập quán nói chung đều hình thành một cách tự phát, cục bộ và chậm biến đổi so với tình hình thực tế, do đó về nguyên tắc tập quán pháp không thể là hình thức cơ bản của Nhà nước pháp quyền.

Theo tinh thần Điều 14 Bộ luật Dân sự Việt Nam thì trong tình hình hiện nay, việc xử lý các quan hệ dân sự vẫn có thể được vận dụng các tập quán có nội dung tiến bộ, trong trường hợp chưa có văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.

*** Tiền lệ pháp(án lệ)**

Tiền lệ pháp là hình thức Nhà nước thừa nhận các quyết định của cơ quan hành chính hoặc xét xử được coi là mẫu mực khi giải quyết các sự kiện pháp lý cụ thể, lấy đó làm cơ sở để áp dụng đối với các trường hợp tương tự.

Án lệ là hình thức pháp luật không phải do cơ quan lập pháp ban hành, mà do cơ quan hành pháp hoặc xét xử xử lý các vụ việc trên thực tế, do đó dễ tạo ra tình trạng tùy tiện, không phù hợp với nguyên tắc pháp chế. Bởi vậy, hình thức án lệ trong nhà nước pháp quyền không thể coi là hình thức cơ bản của pháp luật.

Ở Việt Nam hiện nay, việc sử dụng tiền lệ pháp được thực hiện theo phương pháp cải tiến tức là hàng năm các cơ quan hành pháp, xét xử tổng kết việc xử lý các vụ việc, các loại án cụ thể, điển hình từ đó đề ra đường lối chung hướng dẫn các cơ quan hành chính, xét xử ở địa phương giải quyết các vụ việc tương tự, trong trường hợp chưa có văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.

*** Văn bản quy phạm pháp luật**

Theo Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì văn bản quy phạm pháp luật là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo thủ tục, trình tự luật định, trong đó có các qui tắc xử sự chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Như vậy, văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có đầy đủ các yếu tố sau đây:

- Là văn bản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành đúng với hình thức, tên loại theo luật định.
- Được ban hành theo đúng thủ tục, trình tự do pháp luật quy định
- Có chứa đựng các qui tắc xử sự chung, được áp dụng nhiều lần, đối với mọi đối tượng hoặc một nhóm đối tượng, có hiệu lực trong phạm vi toàn Quốc hoặc từng địa phương; Quy tắc xử sự chung là những chuẩn mực mà mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tuân theo khi tham gia quan hệ xã hội được quy tắc có điều chỉnh.

- Được Nhà nước đảm bảo thi hành bằng các biện pháp như tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục các biện pháp về tổ chức, hành chính, kinh tế, trong trường hợp cần thiết thì nhà nước áp dụng biện pháp cưỡng chế bắt buộc thi hành và quy định chế tài đối với người có hành vi vi phạm.

* **Lưu ý:** những văn bản cũng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mà không có đầy đủ các yếu tố nói trên để giải quyết những vụ việc cụ thể đối với những đối tượng cụ thể, thì không phải là văn bản quy phạm pháp luật như: quyết định lên lương, khen thưởng, kỷ luật, điều động công tác, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ, công chức, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định phê duyệt dự án, chỉ thị về việc phát động phong trào thi đua, biểu dương người tốt, việc tốt và những văn bản cá biệt khác.

2. HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm:

2.1. Văn bản do Quốc hội ban hành: Hiến pháp, Luật, Nghị quyết.

Văn bản do Ủy ban Thường Vụ Quốc hội ban hành: Pháp lệnh, Nghị quyết.

2.2. Văn bản do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác ở Trung ương ban hành để thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội

- a) Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước.
- b) Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ; Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.
- c) Quyết định, Chỉ thị, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ.
- d) Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán, Tòa án nhân tối cao, Quyết định, Chỉ thị, Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân tối cao.
- e) Nghị quyết, Thông tư liên tịch giữa các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với tổ chức chính trị - xã hội.

2.3. Văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành để thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; văn bản do Ủy ban nhân dân ban hành còn để thi hành nghị quyết của Hội đồng nhân cùng cấp

- a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân
- b) Quyết định, Chỉ thị của Ủy ban nhân dân

*** Hiến pháp**

Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất.

Hiến pháp quy định những vấn đề cơ bản nhất của xã hội làm nền tảng cho việc ban hành các Luật và văn bản dưới Luật như: chế độ chính trị, chế độ kinh tế, về văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ, quyền và nghĩa vụ cơ bản của nhân dân, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan Nhà nước, Quốc kỳ, Quốc huy, Thủ đô, ngày quốc khánh, vv...

*** Luật, Nghị quyết của Quốc hội**

- Luật quy định các vấn đề cơ bản, quan trọng thuộc các lĩnh vực về đối nội, đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh của đất nước, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân.

- Nghị quyết của Quốc hội được ban hành, để quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia, chính sách dân tộc, tôn giáo, đối ngoại, quốc phòng, an ninh, dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách nhà nước, điều chỉnh ngân sách nhà nước, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước, phê chuẩn điều ước quốc tế, quyết định chế độ làm việc của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc

*** Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội**

- Pháp lệnh quy định về những vấn đề được Quốc hội giao, sau một thời gian thực hiện trình Quốc hội xem xét, quyết định ban hành luật.

- Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội được ban hành để giải thích Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh, giám sát việc thi hành Hiến pháp, văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, giám sát hoạt động của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân, quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh, tổng động viên hoặc động viên cục bộ, ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc từng địa phương và quyết định những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước**

Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước được ban hành để thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước do Hiến pháp, Luật quy định.

*** Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ**

- Nghị quyết của Chính phủ được ban hành để quyết định chính sách cụ thể về xây dựng và kiện toàn bộ máy hành chính Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở, hướng dẫn kiểm tra Hội đồng nhân dân thực hiện các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên; bảo đảm thực hiện Hiến pháp và pháp luật trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân; thực hiện chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, quyết định chủ trương chính sách cụ thể về ngân sách Nhà nước, tiền tệ, phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường; củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh, thống nhất quản lý công tác đối ngoại của Nhà nước, các biện pháp bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân; các biện pháp chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy Nhà nước; phê duyệt các điều ước quốc tế thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

- Nghị định của Chính phủ bao gồm:

+ Nghị định quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ thành lập; các biện pháp cụ thể để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ.

+ Nghị định quy định những vấn đề hết sức cần thiết nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Việc ban hành nghị định này phải được sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ**

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được ban hành để quyết định các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, điều hành hoạt động của Chính phủ và hệ thống hành chính Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở; quy định chế độ làm việc với các thành viên Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ quy định các biện pháp chỉ đạo, phối hợp hoạt động của các thành viên Chính phủ; đôn đốc và kiểm tra hoạt động của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quyết định của Chính phủ.

*** Quyết định, chỉ thị, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ.**

- Quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; quy định các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm và các định mức kinh tế- kỹ thuật của ngành, lĩnh vực do mình phụ trách; quy định các biện pháp để thực hiện chức năng, quản lý ngành, lĩnh vực do mình phụ trách và những vấn đề được Chính phủ giao.

- Chỉ thị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quy định các biện pháp để chỉ đạo, đôn đốc, phối hợp và kiểm tra hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc ngành, lĩnh vực mình phụ trách trong việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên và của mình.

- Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ được ban hành để hướng dẫn thực hiện những quy định được luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị quyết, nghị định của Chính phủ, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ giao thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực do mình phụ trách.

*** Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao**

Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được ban hành để hướng dẫn các Tòa án áp dụng thống nhất pháp luật, tổng kết kinh nghiệm xét xử.

*** Quyết định, chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao**

Quyết định, chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định các biện pháp để bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân các cấp; quy định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

*** Văn bản quy phạm pháp luật liên tịch**

- *Văn bản quy phạm pháp luật giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc chính phủ*

Thông tư liên tịch giữa Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc chính phủ được ban hành để hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ban thường vụ Quốc hội, Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị quyết nghị định của Chính phủ, quyết định chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ có liên quan để chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó.

- *Văn bản quy phạm pháp luật liên tịch giữa Tòa án nhân dân tối cao với Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.*

Thông tư liên tịch giữa Toà án nhân dân tối cao với Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư liên tịch giữa Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ với Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao được ban hành để hướng dẫn việc áp dụng thống nhất pháp luật trong hoạt động tố tụng và những vấn đề khác liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan đó.

- *Văn bản quy phạm pháp luật liên tịch giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền với các tổ chức chính trị - xã hội:*

Nghị quyết, thông tư liên tịch giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội được ban hành để hướng dẫn thi hành những vấn đề khi pháp luật quy định về việc tổ chức chính trị - xã hội đó tham gia quản lý nhà nước.

*** Nghị quyết của Hội đồng nhân dân**

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân dùng để ban hành các biện pháp bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước cấp trên, về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, về an ninh, quốc phòng, về biện pháp ổn định và nâng cao đời sống nhân dân địa phương.

*** Quyết định của Ủy ban nhân dân**

Quyết định của Ủy ban nhân dân dùng để bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, quy định về tổ chức và hoạt động của các cơ quan, các đơn vị trực thuộc, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trong phạm vi địa phương.

*** Chỉ thị của Ủy ban nhân dân**

Chỉ thị của Ủy ban nhân dân được dùng để chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước cấp trên, của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

3. HIỆU LỰC CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật chính là sự giới hạn việc tác động của văn bản đó về mặt thời gian, không gian và đối tượng áp dụng (đối tượng tác động).

3.1. Hiệu lực về thời gian

Hiệu lực theo thời gian chính là việc xác định thời điểm bắt đầu có hiệu lực của văn bản, và thời điểm hết hiệu lực của văn bản đó.

a) Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật

- Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch nước ký lệnh công bố, trừ trường hợp văn bản đó quy định ngày có hiệu lực khác.

- Văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch nước có hiệu lực kể từ ngày đăng Công báo, trừ trường hợp văn bản đó có quy định ngày có hiệu lực khác.

- Văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các văn bản quy phạm pháp luật liên tịch có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký văn bản hoặc có hiệu

lực muộn hơn nếu được quy định tại văn bản đó. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định các biện pháp thi hành trong tình trạng khẩn cấp thì văn bản có thể quy định ngày có hiệu lực sớm hơn

b) Hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật

- Chỉ trong những trường hợp thật cần thiết, văn bản quy phạm pháp luật mới được quy định hiệu lực trở về trước.

- Không được quy định hiệu lực trở về trước đối với những trường hợp sau:

+ Quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý.

+ Quy định trách nhiệm pháp lý nặng hơn.

c) Những trường hợp ngưng hiệu lực văn bản quy phạm pháp luật

- Văn bản quy phạm pháp luật bị đình chỉ thi hành, thì ngưng hiệu lực cho đến khi có quyết định xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc:

+ Không bị huỷ bỏ thì văn bản tiếp tục có hiệu lực.

+ Bị huỷ bỏ thì văn bản hết hiệu lực.

- Thời điểm ngưng hiệu lực, tiếp tục có hiệu lực hoặc hết hiệu lực của văn bản phải quy định rõ tại quyết định đình chỉ thi hành, quyết định xử lý của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Quyết định đình chỉ, quyết định xử lý văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải được đăng Công báo, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.

d) Những trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực.

Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong các trường hợp sau đây:

- Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn.

- Được thay thế bằng văn bản mới của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó.

- Bị huỷ bỏ hoặc bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành của văn bản hết hiệu lực cũng đồng thời hết hiệu lực của văn bản đó, trừ trường hợp được giữ lại toàn bộ hoặc một phần vì còn phù hợp với các quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới.

3.2. Hiệu lực về không gian lãnh thổ (lãnh thổ)

Hiệu lực về không gian của văn bản quy phạm pháp luật là giới hạn tác động của văn bản trong phạm vi nhất định, có thể là một đơn vị hành chính, một ngành kinh tế kỹ thuật hay toàn bộ phạm vi lãnh thổ Quốc gia, thậm chí cả những cơ quan thường trú ở hải ngoại, các hoạt động trong máy bay, tàu thủy của Nhà nước khi ra nước ngoài. Hiệu lực về không gian gồm:

- Văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan Nhà nước Trung ương có hiệu lực trong phạm vi cả nước và được áp dụng đối với mọi cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam, trừ trường hợp văn bản có quy định khác.

- Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân có hiệu lực trong phạm vi địa phương.

3.3. Hiệu lực về đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của các văn bản quy phạm pháp luật của bất kỳ Nhà nước nào cũng bao gồm hầu hết những con người đang sinh sống và các tổ chức đang hoạt động trong phạm vi lãnh thổ quốc gia đó.

Những công dân và pháp nhân Việt Nam tức nhiên là đối tượng tác động chủ yếu của các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước Việt Nam, dù họ đang sinh sống và hoạt động trong lãnh thổ Quốc gia hay ở nước ngoài.

Văn bản quy phạm pháp luật cũng có hiệu lực đối với cơ quan, tổ chức, người nước ngoài ở Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật của Việt Nam hoặc điều ước Quốc tế mà nước CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

Câu hỏi ôn tập

Câu 1: Cho biết các hình thức bên trong của pháp luật?

Câu 2: Cho biết các hình thức bên ngoài của pháp luật?